Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên
Ngày ký: 18.11.2023 09:53:56 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 54 /2023/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Công văn số 2808/STC-GCS ngày 28 tháng 9 năm 2023 và Tờ trình số 2063/TTr-STC ngày 24 tháng 7 năm 2023); ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 193/HĐND-KTNS ngày 13 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước, bao gồm: Cơ quan nhà nước cấp tỉnh; Cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban, ngành và tương đương; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là tổ chức).

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức được quy định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này.

Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức dẫn đến thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cần phải điều chỉnh dự án thì Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng điều chỉnh dự án đầu tư cho phù hợp theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 4 Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban: PC, KTNS - HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Truyền thông tỉnh (VPUBND tỉnh);
- Lưu: VT, KT, To, Th$_{TM}$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tạ Anh Tuấn

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Quyết định số 54 /2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m^2)		
		Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Cơ quan nhà nước cấp tỉnh; Cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương; tổ chức cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ quan nhà nước trực thuộc cấp huyện; tổ chức cấp huyện,	Ủy ban nhân dân cấp xã
1	**Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính**			
1.1	*Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh*	1.200		
1.2	*Cơ quan, tổ chức*		225	130
2	**Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân**			
2.1	*Trụ sở tiếp công dân của tỉnh*	660		
2.2	*Cơ quan, tổ chức*	50	120	50
3	**Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin**	70	70	40
4	**Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)**	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4601:2012 Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế ban hành kèm theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.		
4.1	*Hội trường có trang bị bàn viết*	1,8m^2/chỗ ngồi	1,8m^2/chỗ ngồi	1,8m^2/chỗ ngồi
4.2	*Hội trường không trang bị bàn viết*	0,8m^2/chỗ ngồi	0,8m^2/chỗ ngồi	0,8m^2/chỗ ngồi
5	**Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức**	550	200	200